

NĂNG SUẤT CÁC NHÂN TỐ TỔNG HỢP CỦA NỀN KINH TẾ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. LÊ THỊ THÙY NGOAN*

Theo hướng tiếp cận mới, năng suất được hiểu là một hàm số của lao động, công nghệ, vốn và nhiều nhân tố khác nhằm thỏa mãn được nhu cầu của tất cả những đối tượng có liên quan đến quá trình sản xuất và tiêu dùng sản phẩm. Chỉ tiêu năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) phản ánh một cách khái quát hiệu quả tổng hợp của việc phối hợp sử dụng các nhân tố đầu vào của quá trình sản xuất như vốn, lao động, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý.

Hiện nay, trên thế giới đã hình thành tổ chức năng suất quốc gia nhằm tư vấn, đề xuất các giải pháp nâng cao năng suất. Riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh, để đánh giá hiệu suất thực của hoạt động kinh tế, việc tính toán chỉ tiêu TFP là rất cần thiết. Do đó, bài viết nghiên cứu phương pháp tính chỉ tiêu này để có thể vận dụng tính chỉ tiêu TFP phù hợp với đặc thù riêng của Thành phố, cũng như, xác định tốc độ tăng và đóng góp của TFP trong tốc độ phát triển của TP. HCM; đồng thời đưa ra các kết luận và kiến nghị nhằm nâng cao tỷ trọng đóng góp của TFP trong tăng trưởng của TP.HCM.

Từ khóa: TFP, Thành phố Hồ Chí Minh

Productivity factor of the economy in Ho Chi Minh City

In the new approach, productivity is understood to be a function of labor, technology, capital and many other factors to satisfy the needs of all those involved in production and consumption product. The composite factor productivity index generally reflects the combined effect of the combination of the inputs of the production process, such as capital, labor, the advancement of science and technology, and the exchange of New technology, improved management.

At present, the world has formed a national productivity organization to advise and propose solutions to improve productivity. In Ho Chi Minh City, in order to evaluate the real performance of economic activity, it is necessary to calculate the TFP index. Therefore, it is necessary to study the method of calculation of this indicator so that it can be used to calculate the TFP index suitable to the city's specific characteristics. Just as, determine the speed and contribution of TFP in the pace of development of Ho Chi Minh City. Concurrently, conclusions and recommendations will be made to increase the contribution of TFP to HCM City's growth.

Key words: TFP, Ho Chi Minh City

*Kiểm toán nhà nước Khu vực IX

1. Khái niệm TFP

TFP đánh giá tính hiệu quả của việc sử dụng tổng hợp các nhân tố đầu vào. Nó là thước đo hiệu quả của việc sử dụng cả hai nhân tố vốn và lao động, đồng thời là thước đo sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao tay nghề của người lao động, sự thay đổi cơ cấu kinh tế.

Để tăng đầu ra không nhất thiết phải tăng lao động hoặc vốn. Nếu sử dụng tối ưu nguồn lao động và vốn, đồng thời phối hợp sử dụng tốt nhất các nhân tố đầu vào khác vẫn đạt được kết quả đầu ra lớn hơn. Điều đó có nghĩa, với tác động tổng hợp các yếu tố được phối hợp trong quá trình tổ chức quản lý sản xuất sẽ tạo ra được giá trị gia tăng mới cao hơn.

2. Phương pháp tính TFP

TFP chỉ phần trăm tăng GDP sau khi trừ đi phần đóng góp của tăng số lượng lao động và vốn cố định.

2.1. Xác định các nhân tố đầu vào và đầu ra

* Hai nhân tố đầu vào chủ yếu là tài sản cố định và lao động.

+ Tài sản cố định: Giá trị nhà cửa, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải... góp phần tạo ra giá trị mới tăng thêm cho nền kinh tế. Giá trị những tài sản cố định này được khấu hao dần hàng năm. Do đó, phần tham gia thực tế vào quá trình sản xuất là giá trị tài sản cố định đã trừ khấu hao (vốn cố định).

+ Lao động ở đây là toàn bộ số người làm việc trong nền kinh tế.

* Tương ứng với đầu vào, chỉ tiêu GDP là giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

2.2. Phương pháp tính của tổ chức năng suất Châu Á (APO)

Mối quan hệ giữa tốc độ tăng giá trị tăng thêm, vốn, lao động và TFP biểu diễn dưới dạng hàm sản xuất: $Q_t = A_t F(K_t, L_t)$

Q: Giá trị tăng thêm; K: Vốn cố định; L: Lao động;

A: Hiệu quả sản xuất (năng suất nhân tố tổng hợp - TFP). Sử dụng trong hàm Cobb - Douglas được viết dưới dạng sau:

$$Q_t = A_t K_t^\alpha L_t^{(1-\alpha)} \quad (1)$$

Trong đó: $0 < \alpha < 1$. Với giả thiết $0 < \alpha$, hàm Cobb-Douglas coi giá trị sản xuất tỷ lệ thuận với lao động và vốn.

Với giả thiết hàm Cobb-Douglas là hàm liên tục theo thời gian và dưới góc độ toán học có thể biểu diễn tốc độ phát triển theo thời gian của Q_t như sau:

$$\begin{aligned} \frac{dQ}{dt} &= \frac{dA}{dt} F(K_t, L_t) + A_t \frac{dF}{dt} \\ &= \frac{dA}{dt} F(K_t, L_t) + A_t \left(\frac{\partial F}{\partial K} \frac{dK}{dt} + \frac{\partial F}{\partial L} \frac{dL}{dt} \right) \quad (2) \end{aligned}$$

Chia hai vế phương trình (2) cho Q và sau khi biến đổi có:

$$\begin{aligned} \frac{dQ}{dt} \frac{1}{Q} &= \frac{dA}{dt} \frac{1}{A} + \frac{\partial Q}{\partial K} \frac{dK}{dt} \frac{K}{Q} \frac{1}{K} + \frac{\partial Q}{\partial L} \frac{dL}{dt} \frac{L}{Q} \frac{1}{L} \\ &= \frac{dA}{dt} \frac{1}{A} + \frac{\partial Q}{\partial K} \frac{K}{Q} \frac{dK}{dt} \frac{1}{K} + \frac{\partial Q}{\partial L} \frac{L}{Q} \frac{dL}{dt} \frac{1}{L} \quad (3) \end{aligned}$$

Vế trái của công thức (3) chính là tốc độ tăng của giá trị tăng thêm (Q_t). Vế phải của công thức này gồm có ba thành phần: thành phần thứ nhất là tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp; thành phần thứ hai là tốc độ tăng năng suất cận biên của lao động ($\frac{\partial Q}{\partial L} \frac{L}{Q}$); thành phần thứ ba là tốc độ tăng năng suất cận biên của vốn ($\frac{\partial Q}{\partial K} \frac{K}{Q}$). Viết gọn lại có:

$$Gr(Q) = Gr(A) + MPL\left(\frac{K}{Q}\right)Gr(K) + MPK\left(\frac{L}{Q}\right)Gr(L) \quad (4)$$

Trong đó: Gr(Q) tốc độ tăng của giá trị tăng thêm;

Gr(L) tốc độ tăng của lao động;

Gr(K) tốc độ tăng của vốn;

MPL và MPK là năng suất cận biên lao động và vốn.

Trong thị trường có cạnh tranh hoàn hảo, tỷ lệ lợi nhuận của đồng vốn bỏ ra sẽ bằng năng suất cận

biên của vốn (MPK), còn tỷ lệ lương của lao động sẽ bằng năng suất cận biên của lao động (MPL). Trong trường hợp này MPK(K/Q) sẽ là tỷ lệ đóng góp của vốn trong giá trị tăng thêm và MPL(L/Q) là tỷ lệ đóng góp của lao động trong giá trị tăng thêm. Như vậy, trong trường hợp này MPL và MPK là tỷ lệ đóng góp của lao động và vốn trong GDP. Cụ thể hoá công thức (4) mô hình hàm sản xuất Cobb-Douglass có dạng:

$$Gr(Q) = Gr(A) + \alpha Gr(K) + (1 - \alpha)Gr(L) \quad (5)$$

Đặt $\beta = 1 - \alpha$

Dựa vào công thức (5), có thể tính tốc độ tăng của năng suất các nhân tố tổng hợp (Gr(A) hay Gr(TFP)) theo công thức:

$$Gr(TFP) = Gr(Q) - \{\alpha Gr(K) + \beta Gr(L)\} \quad (6)$$

Trong đó: α : Cơ cấu đóng góp của vốn trong GDP; β : Cơ cấu đóng góp của lao động trong GDP

Riêng tại TP.HCM, phương trình (6) cũng được sử dụng để tính chỉ tiêu TFP. Để phân tích các yếu tố góp phần vào tốc độ tăng GDP có thể viết lại phương trình (7) như sau:

$$Gr(Q_t) = Gr(TFP) + \alpha Gr(K) + \beta Gr(L) \quad (6')$$

Tỷ lệ đóng góp của các yếu tố cấu thành tăng trưởng GDP được tính;

$$\text{Đóng góp do tăng TFP} = Gr(TFP) / Gr(Q_t)$$

$$\text{Đóng góp do tăng tài sản} = \alpha Gr(K) / Gr(Q_t)$$

$$\text{Đóng góp do tăng lao động} = \beta Gr(L) / Gr(Q_t)$$

Phương pháp tính các hệ số đóng góp của tài sản và lao động (α, β)

Dùng phương pháp sử dụng hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) để xác định tỷ phần của lao động trong GDP (β) được tính bằng tỷ lệ thu nhập của người lao động trong GDP ($\beta = V/GDP$).

Từ đó tính hệ số đóng góp của vốn: $\alpha = 1 - \beta$

2.3. Xác định nguồn số liệu

TP.HCM ứng dụng phương pháp tính năng suất nhân tố tổng hợp theo phương pháp đã trình bày trên cơ sở các số liệu về GDP, tài sản cố định, lao động và cơ cấu đóng góp của tài sản cố định và lao

động trong GDP.

*Số liệu GDP: Chỉ tiêu này được tính toán hàng năm theo giá hiện hành và theo giá so sánh 2010.

$$GDP = \Sigma VA \text{ các ngành kinh tế}$$

*Vốn cố định: Nguồn lực tài sản góp phần tạo ra giá trị tăng thêm cho các ngành kinh tế là giá trị còn lại của những tài sản cố định tham gia vào quá trình sản xuất trong từng thời kỳ.

Chỉ tiêu vốn cố định: Tổng hợp từ kết quả các cuộc điều tra (tổng hợp điều tra doanh nghiệp; tổng hợp điều tra hành chính sự nghiệp; tổng hợp điều tra nông thôn, nông nghiệp, thủy sản; điều tra cá thể)

$$\text{Vốn cố định} = \text{Giá trị tài sản} - \text{khấu hao}$$

Số liệu sử dụng tính toán là vốn cố định bình quân năm.

$$\text{Vốn bình quân năm} = (\text{Vốn đầu kỳ} + \text{vốn cuối kỳ})/2$$

Vốn của toàn bộ hoạt động kinh tế = vốn của các doanh nghiệp + vốn của các đơn vị hành chính sự nghiệp + vốn của các đơn vị cá thể.

Để loại trừ yếu tố giá khi tính tốc độ tăng vốn cố định, các số tuyệt đối đều được tính theo giá so sánh (hiện nay sử dụng giá so sánh 2010). Do trong thực tế không có đủ chỉ số giá để quy vốn cố định về giá so sánh nên có thể tạm thời sử dụng hệ số giảm phát GDP khu vực công nghiệp - xây dựng.

Dựa vào số liệu từ các nguồn trên, tính toán giá trị vốn cố định cho các năm.

Biểu 1: Vốn cố định bình quân Dvt: tỷ đồng

Năm	Theo giá hiện hành	Theo giá so sánh
2010	342.800	342.800
2011	412.800	372.966
2012	461.126	400.752
2013	538.415	434.157
2014	571.588	452.218
2015	658.613	498.847

(Nguồn tính toán của Cục Thống kê)

*Số lao động làm việc trong nền kinh tế: Thu thập cũng từ các nguồn sau để tính lao động làm việc

(Kết quả tổng hợp điều tra doanh nghiệp; tổng hợp điều tra hành chính sự nghiệp; tổng hợp tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp, thủy sản; điều tra cá thể; tổng hợp tổng điều tra dân số)

Biểu 2: Số liệu lao động làm việc trong các ngành kinh tế

Năm	Lao động (Người)	Tốc độ tăng (%)
2011	3.670.949	5,1
2012	3.847.155	4,8
2013	3.974.111	3,3
2014	4.169.228	4,9
2015	4.369.434	4,8

(Nguồn tính toán của Cục Thống kê)

*Thu nhập của người lao động: Dựa vào số liệu tính toán của Cục Thống kê Tp. HCM

Biểu 3: Thu nhập của người lao động Đvt: Tỷ đồng

Năm	Thu nhập của người lao động (giá hiện hành)	Tốc độ tăng (%)
2011	244.153	5,8
2012	287.909	17,9
2013	339.101	17,8
2014	368.966	8,8
2015	412.321	11,8

(Nguồn của Cục Thống kê)

*Các hệ số đóng góp của tài sản (α) và của lao động (β):

Tỷ số giữa thu nhập của người lao động so với GDP được tính trên cơ sở các số tuyệt đối được tính theo giá hiện hành.

Chỉ tiêu thu nhập của người lao động được tính toán hàng năm. Chỉ tiêu này bao gồm lương và các khoản có tính chất lương, thu nhập khác (thưởng, ăn trưa, trang phục...), tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế do doanh nghiệp đóng cho người lao động.

Từ nguồn số liệu của Cục Thống kê TP.HCM về GDP và thu nhập của người lao động, tính được hệ số α , β :

Biểu 4: Hệ số đóng góp của lao động và vốn cố định

Năm	Hệ số đóng góp của lao động - β	Hệ số đóng góp của vốn - α
2011	0,424	0,576
2012	0,439	0,561
2013	0,444	0,556
2014	0,433	0,567
2015	0,431	0,569
B/q 2011-2015	0,434	0,566

2.4. Phân tích kết quả tính năng suất tổng hợp (TFP) cho địa bàn TP.HCM

2.4.1. Năng suất lao động

Biểu 5: Năng suất lao động và tốc độ tăng năng suất lao động của TP.HCM Đvt: triệu đồng/người

Năm	Năng suất lao động cả nước (giá so sánh 2010)	Năng suất lao động TP.HCM (giá so sánh 2010)	Tốc độ tăng cả nước (%)	Tốc độ tăng TP.HCM (%)
2011	45,53	139,14	3,49	4,90
2012	46,92	144,94	3,05	4,17
2013	48,72	153,33	3,84	5,78
2014	51,08	160,15	4,84	4,45
2015	54,38	167,86	6,46	4,82
BQ 2011-2015			4,34	4,82

(Nguồn tính toán của Cục Thống kê)

Biểu 6: Năng suất lao động của khu vực doanh nghiệp Đvt: triệu đồng/ lao động

	NSLĐ 2014 (giá so sánh 2010)	NSLĐ 2015 (giá so sánh 2010)	Tốc độ tăng (%)
Nông, lâm, thủy sản	57,93	71,40	23,26
Công nghiệp và xây dựng	199,65	195,22	-2,22
Dịch vụ	151,03	171,33	13,44

Biểu 7: Cơ cấu 3 khu vực kinh tế trong GDP

Đơn vị: %

	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng	100	100	100	100	100
Nông, lâm, thủy sản	1,03	1,08	1,02	1,03	0,99
Công nghiệp và xây dựng	41,17	40,27	40,66	39,36	39,57
Dịch vụ	57,80	58,64	58,32	59,61	59,44

(Nguồn Niên giám thống kê 2014, 2015)

2.4.2. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư**Biểu 8: Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) và cơ cấu vốn đầu tư**

	2012	2013	2014	2015
ICOR		3,62	3,51	3,43
Nông, lâm, thủy sản		2,66	2,10	2,02
Công nghiệp và xây dựng		2,97	3,35	3,07
Khu vực dịch vụ		3,95	3,60	3,61
Cơ cấu vốn đầu tư (%)	100	100	100	100
Nông, lâm, thủy sản	0,94	0,42	0,35	0,32
Công nghiệp và xây dựng	29,96	26,91	29,02	28,60
Khu vực dịch vụ	69,10	72,67	70,63	71,08

Biểu 9: Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) của cả nước và TP.HCM

Năm	ICOR	
	Cả nước	TP. HCM
2011	5,70	3,60
2012	6,80	3,90
2013	6,70	3,60
2014	6,30	3,50
2015	6,00	3,40
B/q 2011-2015	6,29	3,60

Biểu 10: Vốn cố định bình quân cho một lao động
Dvt: triệu đồng/lao động

Năm	Vốn cố định bình quân cho một lao động (theo giá so sánh 2010)
2011	101,60

2012	104,17
2013	109,25
2014	111,33
2015	114,29
B/q 2011-2015	108,13

2.4.3. Tốc độ tăng của các nhân tố

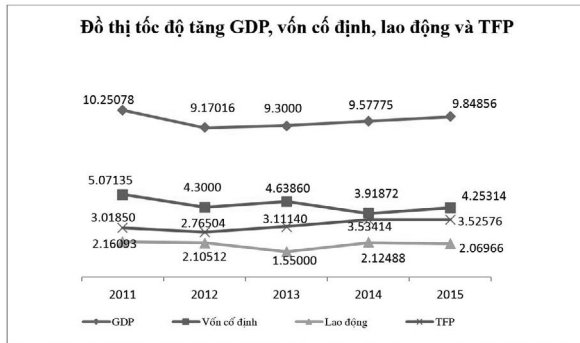
Xét ba yếu tố tác động đến tăng trưởng GDP là tốc độ tăng của vốn, lao động và TFP thì vốn là yếu tố có tốc độ tăng bình quân giai đoạn từ 2011 - 2015 cao nhất 7,79%, tốc độ tăng của lao động là 4,58% và TFP tăng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 là 3,19% cao hơn tốc độ tăng chung của cả nước.

Biểu 11: Tốc độ tăng của các nhân tố

	Tốc độ tăng (%)			
	GDP	Vốn cố định	Lao động	TFP
2011	10,25	5,07	2,16	3,02
2012	9,17	4,30	2,11	2,77
2013	9,30	4,64	1,55	3,11
2014	9,58	3,92	2,12	3,53
2015	9,85	4,25	2,07	3,53
B/q 2011-2015	9,63	4,44	2,00	3,19
B/q 2011-2015 cả nước	5,91	7,43	1,52	1,79

Lao động là một nguồn lực có hạn, do đó tăng trưởng kinh tế không thể tiếp tục dựa trên tăng lao động. Xu hướng cho thấy đóng góp của tăng lao động ngày càng thấp trong tăng GDP. Năm 2012 đóng góp của tăng lao động là 23% năm 2015 giảm xuống 21%. Như vậy, tác động vào tăng trưởng kinh tế chỉ còn dựa vào tăng đầu tư vốn và tăng TFP, phù hợp với xu hướng chung của thế giới.

Điểm tích cực là TFP tăng qua các năm, bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 3,19%. Từ năm 2011 đến 2015 TFP tăng dần trừ năm 2012 tăng thấp hơn mức tăng của năm trước và năm 2015 tăng bằng của năm 2014.



Từ năm 2011 đến năm 2015, GDP tăng cao bình quân 9,63%/năm, song song đó thì vốn cố định bình quân tăng chậm hơn ở mức 4,44%/năm. Mặc dù, vốn cố định cho nền kinh tế tăng chậm hơn trước (2006-2011) nhưng vẫn duy trì được tốc độ tăng GDP tương đối ổn định. Trong điều kiện vốn và lao động tăng chậm lại, thì TFP ngày càng đóng vai trò lớn hơn trong GDP từ năm 2011 đến 2015. Tuy nhiên, tốc độ tăng vốn cố định năm 2015 cao hơn của năm 2014. Việc này có thể mang đến hiệu quả cho các năm sau vì đầu tư thường có độ trễ một vài năm.

2.4.4. Đóng góp của các yếu tố

Số liệu về đóng góp của các yếu tố vào tăng GDP từ 2011 đến 2015 cho thấy đóng góp của TFP vào tăng GDP đang dần cao lên. Từ 29,45% năm 2011 tăng đến 35,8% năm 2015, bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 33,13%/năm, cao hơn bình quân chung của cả nước.

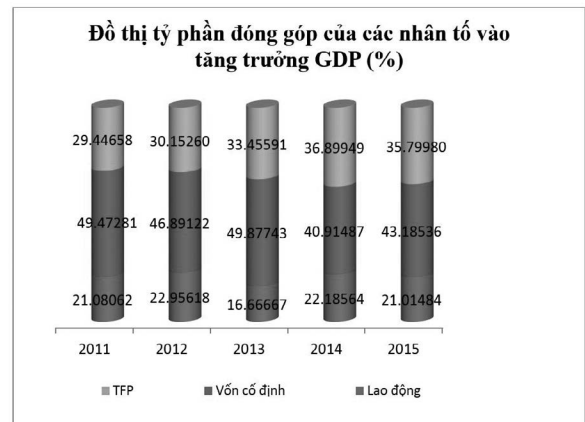
Tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng kinh tế đang dần cao lên cho thấy yếu tố đầu vào là vốn cố định và lao động đang được sử dụng hiệu quả hơn trong việc tạo ra kết quả đầu ra. Đây là sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế theo hướng tập trung vào chất lượng như nâng cao chất lượng lao động, chất lượng vốn, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ và tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Biểu 12: Tỷ trọng đóng góp của các nhân tố vào tăng trưởng GDP

Năm	Tỷ trọng đóng góp (%) vào tăng trưởng GDP		
	Lao động	Vốn cố định	TFP
2010	26,70	45,00	28,30

2011	21,08	49,47	29,45
2012	22,96	46,89	30,15
2013	16,67	49,88	33,46
2014	22,19	40,91	36,90
2015	21,01	43,19	35,80
B/q 2011-2015	20,76	46,03	33,17
B/q 2010-2013	21,80	47,80	30,32
B/q 2011-2015 cả nước	16,25	53,42	30,33

Tỷ trọng đóng góp của TFP tăng dần có nghĩa cho thấy yếu tố đầu vào là vốn và lao động để tạo ra kết quả đầu ra đang được sử dụng hiệu quả hơn, đóng góp của khoa học công nghệ đã tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế của Tp.HCM thời gian qua. Tuy nhiên, tăng trưởng dựa vào nhân công giá rẻ hoặc tài nguyên thiên nhiên đang suy giảm làm tăng nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Do đó, tăng trưởng của TP.HCM phải dựa vào tăng năng suất lao động thông qua phát triển khoa học công nghệ.



Năm 2015, năng suất lao động của Tp.HCM đạt 168 triệu đồng/lao động, tăng 4,82% so với 2014. Giai đoạn 2011-2015 năng suất lao động bình quân tăng 4,82%/năm.

Biểu 13: Tốc độ tăng năng suất lao động

Năm	Năng suất lao động theo giá so sánh (Triệu đồng)	Tốc độ tăng (%)
2011	139	4,90
2012	145	4,17
2013	153	5,78
2014	160	4,45

2015	168	4,82
B/q 2011-2015	153	4,82

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Vấn đề hiệu quả trong mục tiêu chung của nền kinh tế

Vấn đề cần quan tâm không chỉ là tốc độ tăng trưởng GDP, mà quan trọng hơn là hiệu quả cuối cùng. Hiệu quả kinh tế xét cho đến cùng là năng suất lao động nhưng không phải năng suất lao động nói chung, đó là TFP. Tức là cần đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, gia tăng sự đóng góp vào GDP. Tăng trưởng kinh tế ở TP. HCM do tăng TFP bình quân giai đoạn 2011-2015 là 33,17%, còn khiêm tốn so với một số nước trong khu vực. Có thể nói rằng sự tăng trưởng chưa thật sự vững chắc. Để trở thành một thành phố có nền công nghiệp hiện đại và là trung tâm kinh tế của cả nước, đóng góp tích cực vào sự phát triển của cả nước thì trong giai đoạn sau, TP. HCM cần nâng cao tốc độ tăng của TFP dựa trên sự cải thiện các yếu tố đóng góp vào TFP như: giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học công nghệ... đặc biệt là nâng cao mức đóng góp của nhân tố khoa học và công nghệ. Giải quyết tốt vấn đề này sẽ tạo ra khâu đột phá trong việc đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế của TP. HCM.

3.2. Điều kiện cần thiết để tính chỉ tiêu TFP tại Tp. HCM

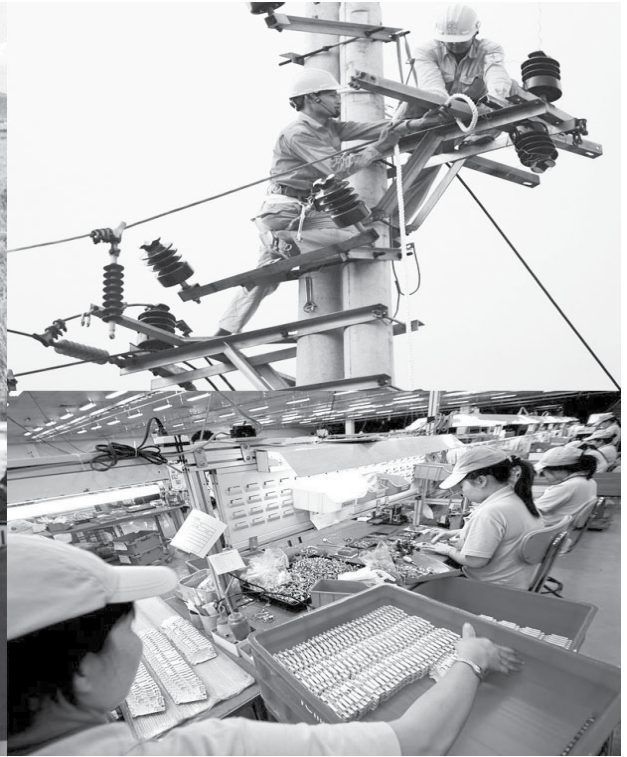
Để các chỉ tiêu hiệu quả, đặc biệt là chỉ tiêu năng suất nhân tố tổng hợp thật sự là căn cứ phân tích, đánh giá nền kinh tế, làm cơ sở cho việc quản lý, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế của địa phương, điều kiện cần thiết phải có những dữ liệu chính xác, phản ánh đúng thực tế. Muốn thế, trước tiên là phải có một hệ thống thống kê - kế toán đầy đủ và khoa học. Thống kê phải thu thập, lưu trữ được những thông tin cần thiết, chính xác, đảm bảo độ tin cậy cao. Điều cần lưu ý là những chỉ tiêu

này phải được hình thành trên cơ sở những chỉ tiêu cơ bản nhất mà các nước trên thế giới đang sử dụng rộng rãi. Các chỉ tiêu thuộc hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) đã tạo tiền đề cho việc tính toán các chỉ tiêu hiệu quả. Tuy nhiên, hệ thống thống kê vẫn còn nhược điểm là cơ sở dữ liệu không nhiều, không toàn diện, không đủ để cung cấp thông tin cần thiết cho phân tích hiệu quả, nhất là những chỉ tiêu sử dụng chuỗi thời gian để phân tích xu hướng. Chế độ báo cáo thống kê do Tổng cục Thống kê ban hành cho các Cục Thống kê Tỉnh, Thành phố không có chỉ tiêu tổng hợp giá trị tài sản tham gia vào hoạt động của toàn nền kinh tế. Các chỉ tiêu thống kê cho từng ngành không mang tính đồng bộ. Do đó, có những chỉ tiêu không tính được, có chỉ tiêu tính toán không chính xác, căn cứ thực tiễn thấp. Để hoàn thiện hệ thống thống kê, tạo cơ sở dữ liệu cần thiết cho việc tính toán các chỉ tiêu hiệu quả, cần thiết tập trung vào các vấn đề sau:

- Nghiên cứu mở rộng, áp dụng những chỉ tiêu thống kê chung được sử dụng rộng rãi trên thế giới;
- Hoàn thiện phương pháp tính các chỉ tiêu đầu vào và đầu ra như tính toán chỉ tiêu GDP, vốn đầu tư, các chỉ số giá... để đảm bảo cơ sở dữ liệu đầy đủ, độ tin cậy cao;
- Lưu trữ và cập nhật thường xuyên các dữ liệu làm căn cứ cho việc phân tích xu hướng dài hạn;
- Chỉ đạo các doanh nghiệp thực hiện tốt chế độ báo cáo thống kê - kế toán;
- Hoàn thiện phương pháp điều tra chọn mẫu. Từ đó vận dụng trong việc tính toán, suy rộng các chỉ tiêu đầu vào và đầu ra của quá trình sản xuất - kinh doanh.

3.3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế

Tái cơ cấu nền kinh tế là việc chuyển các nguồn lực (chủ yếu là vốn và lao động) từ những ngành và thành phần kinh tế kém năng suất sang ngành và thành phần kinh tế có năng suất cao. Việc phân bổ lại các nguồn lực để có được những ngành và thành



phần kinh tế có năng suất cao hơn sẽ dẫn đến sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và TFP tăng cao. Thông qua cơ cấu lại vốn và lao động, các ngành sẽ hoạch định tốt hơn nhằm tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Cải tiến, đổi mới công nghệ và sản phẩm: Tiến bộ trong công nghệ có tác động đến tăng TFP bằng nhiều cách. Ví dụ, việc tạo ra sản phẩm mới giúp xâm nhập vào thị trường tốt hơn, hoặc thay đổi quá trình sản xuất bằng một công nghệ mới có thể làm giảm bớt cường độ lao động, thời gian lao động, tốc độ sản xuất nhanh hơn, tiết kiệm được các chi phí về nhân công, vật liệu và tạo đầu ra tốt hơn. Thay đổi công nghệ quản lý cũng có tác động rất tích cực. Thông qua thiết kế được hệ thống sản xuất linh hoạt, hiệu quả và cải tiến các quá trình hiện tại bằng cách giảm bớt những hoạt động không tạo giá trị gia tăng, giảm thiểu lãng phí cũng như thao tác thừa có thể đẩy mạnh được năng suất. Một lao động thay vì thực hiện hoạt động rườm rà, không có giá trị, họ tập trung vào các hoạt động thực sự tạo giá trị gia tăng. Như vậy, một lao động sẽ tạo ra được nhiều giá trị gia tăng hơn, tức là tăng được năng suất.

Yếu tố về chất lượng lao động: nền kinh tế hoặc một doanh nghiệp không thể có năng suất cao nếu chất lượng lao động thấp. Chất lượng lao động thể hiện dưới hai hình thái, trình độ lao động và thái độ làm việc; chú trọng công tác đào tạo cho những ngành nghề còn thiếu lao động có trình độ; đồng thời đào tạo đội ngũ quản lý có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, phát triển khoa học kỹ thuật. Đặc điểm của phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa ở TP. HCM là quản lý bằng kinh nghiệm bản thân. Việc đầu tư thiết bị, ứng dụng công nghệ mới sẽ không có hiệu quả nếu như người lao động không biết vận hành, sử dụng, khai thác để tạo ra được những sản phẩm tốt. Bên cạnh trình độ lao động, yếu tố thái độ làm việc cũng rất quan trọng. Chỉ có thái độ làm việc tích cực mới phát huy hết khả năng lao động, đem lại được hiệu quả tổng thể về mặt kinh tế và xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Niên giám thống kê TP.HCM 2013, 2014, 2015.
2. Ấn phẩm "Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp" của PGS.TS. Tăng Văn Khiên.
3. APO Productivity Database 2015.